TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2020.
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Viên**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**

Ông **Lưu Văn Có**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kiều Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 781/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Minh T**

Địa chỉ: Tổ 15, Ng, phường Ngọc H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Văng mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**

Địa chỉ: Tổ 15, Ng, phường Ngọc H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Võ Minh T và bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, giữa ông T và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung nặng nề, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L. Bà L cũng đồng ý với yêu cầu của ông T.

Về con chung: Ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là Võ Minh C sinh ngày 19/6/1988 và Võ Thị H sinh ngày 22/01/1990. Nay 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông T và bà L chung sống không đăng ký kết hôn nên Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân, chỉ hòa giải về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng; Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L.

[2]. Về nội dung: Giữa ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị L tồn tại quan hệ chung sống từ năm 1988. Cả hai chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận, được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay mà không đăng ký kết hôn là thiếu ý thức chấp hành pháp luật, vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc chung sống giữa ông T và bà L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà L, bà L cũng đồng ý; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không giải quyết yêu cầu của đương sự theo quan hệ pháp luật: "Ly hôn" mà giải quyết theo thủ tục không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L.

[3]. Về con chung: Ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là Võ Minh C sinh ngày 19/6/1988 và Võ Thị H sinh ngày 22/01/1990. Nay 02 con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Võ Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Minh T

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết

- Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Võ Minh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015712 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, ông Toàn đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND P. Ngọc Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên